

TÂM LÝ THẬN TRỌNG

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư tiếp tục chọn lọc các mã đang có tín hiệu bật tăng từ nền hỗ trợ cứng với sự tham gia chủ động của dòng tiền và giải ngân từng phần với mục tiêu đầu tư ngắn hạn.
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275–1.288 điểm.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

TCB

MUA

↑ 7,79%

VND26.300

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Hai (30/12), tiến tới hoàn tất năm sôi động bằng một nốt trầm.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường tiếp tục giằng co giữa phe mua và phe bán trong biên độ hẹp với thanh khoản giảm dần. Tuần này, diễn biến thị trường trong các phiên cuối năm 2024 sẽ tiếp tục được nâng đỡ bởi hoạt động chốt NAV cuối năm của các quỹ. Sau đó, thị trường sẽ bước vào mùa công bố KQKD quý 4. Hiện tại thị trường đang thể hiện rõ nét hơn diễn biến phân hóa khi dòng tiền vẫn chọn lọc, giải ngân ở những nhóm ngành/cổ phiếu riêng lẻ. NĐT có thể xem xét mở vị thế ở các thời điểm thị trường rung lắc, điều chỉnh trong tuần này.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.573,73	-0,97	12,96
S&P 500	5.906,94	-1,07	23,84
Nasdaq	19.486,79	-1,19	29,81
VIX	17,40	9,09	39,76
DAX	19.909,14	-0,38	18,85
FTSE 100	8.121,01	-0,35	5,01
CAC40	7.313,56	-0,57	-3,04
Hang Seng	20.003,36	-0,19	17,34

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	58,27	BUY
MACD (12,26)	5,33	BUY
ADX (14)	13,12	NEUTRAL
SMA5	1.270,89	BUY
SMA20	1.264,67	BUY
SMA50	1.253,05	BUY
SMA100	1.261,75	BUY
SMA200	1.259,75	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 0,3%, chốt ở mức 74,39 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York tăng 0,55 USD/thùng, chốt ở 70,99 USD/thùng.
- Bộ Tài chính cho biết, thu ngân sách cả năm 2024 ước đạt 2.025,4 nghìn tỷ đồng, tăng 19,1% (324,4 nghìn tỷ đồng) so dự toán, tăng 15,5% so thực hiện năm 2023; tỷ lệ động viên vào ngân sách nhà nước đạt 17,8%GDP, riêng thuế, phí đạt 14,2%GDP.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2024 ước đạt 783,4 tỷ USD, tăng 15% so với năm 2023; trong đó xuất khẩu ước đạt 403,7 tỷ USD, tăng 13,8%. Với kết quả này, Bộ Công Thương đặt mục tiêu phấn đấu tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2025 tăng trên 10-12% so với năm 2024, cán cân thương mại tiếp tục có xuất siêu ở mức trên 20 tỷ USD.
- Ngày 30/12/2024, Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản gửi các tổ chức tín dụng thông báo công khai, minh bạch về nguyên tắc giao tăng trưởng tín dụng năm 2025 để các tổ chức tín dụng chủ động triển khai thực hiện. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2025 khoảng 16%. Nhà điều hành cũng cho biết sẽ triển khai lộ trình hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc điều hành phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng tổ chức tín dụng theo Nghị quyết số 62/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.
- CTCP Chứng khoán HD thông báo thời gian lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản từ ngày 27/12 đến ngày 6/1/2025. Nội dung lấy ý kiến lần này nhằm thông qua phương án phát hành cổ phiếu và sửa đổi bổ sung điều lệ công ty. Khối lượng dự kiến phát hành đạt hơn 67 triệu cp. Trong đó, 48,2 triệu cp dùng để trả cổ tức tỷ lệ 71,74%; 19 triệu cp để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 28,26%).
- **DGW:** Ngày 24/12 vừa qua, phương án tăng vốn điều lệ của BSR lên 50.073 tỷ đồng đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua và đang được trình lên cơ quan thẩm quyền với kỳ vọng sẽ nhận được sự chấp thuận trước quý I/2025. Việc tăng vốn này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho Dự án NCMR NMLD Dung Quất và chiến lược phát triển dài hạn của BSR đến năm 2030, tầm nhìn 2045.
- **HVN:** Vietnam Airlines sẽ tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường vào 8h sáng, ngày 21/1/2025 tới đây (tức 22 tháng Chạp). Danh sách cổ đông dự họp đã được chốt vào ngày 26/12 vừa qua.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.610,20	0,14	26,53
Dầu WTI	71,35	0,51	-0,42
Dầu Brent	74,36	0,50	-3,48
Than	124,55	-0,36	-14,92
Đồng	8.910,00	-0,80	4,10
Quặng sắt	101,95	2,01	-26,08
Thép	475,50	0,53	-15,79

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	107,951	-0,17	6,53
USD/JPY	156,42	0,27	-9,83
USD/CNY	7,2957	0,05	-2,68
EUR/USD	1,0409	0,02	-5,71
GBP/USD	1,2555	0,04	-1,38

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	296,88	150.500	0,60
HPG	325,41	26.750	-0,37
SSI	305,83	26.450	-0,56
MWG	254,41	61.000	-0,65
HDB	267,97	26.650	6,81

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	514.196,40	92.000	-0,22
BID	263.829,96	38.250	-2,30
FPT	221.395,91	150.500	0,60
CTG	208.892,68	38.900	0,26
HPG	171.099,69	26.750	-0,37

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

TCB

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng tăng tỷ trọng

Ngưỡng cắt lỗ

MUA

24.400

26.300

7,79%

24.000-24.200

<22.700

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế 9 tháng, tổng lợi nhuận trước thuế 9 tháng vẫn đạt 22.842 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức lợi nhuận 9 tháng cao nhất mà Techcombank từng ghi nhận. Tại thời điểm 30/9/2024, tổng tài sản của Techcombank đạt 927.100 tỷ đồng, tăng 9% so với đầu năm. Tín dụng tăng trưởng 17%, đạt 622.100 tỷ đồng.
- Vị thế vốn của Techcombank vẫn được duy trì mạnh mẽ, với tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) là 82,2% tại 30.09.2024, dưới mức trần 85% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- TCB đang duy trì xu hướng tăng ngắn và trung hạn. Các chỉ báo kỹ thuật đang ủng hộ xu hướng tăng tiếp diễn của cổ phiếu. Nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân tăng đối với cổ phiếu TCB, vùng mua tăng tỷ trọng dự kiến quanh ngưỡng 24.000-24.200 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	40.527	40.061	11.754
LNTT (tỷ đ)	25.568	22.888	7.214
LNST (tỷ đ)	20.436	18.191	5.793
Nợ/VCSH (%)	178	181	0
ROE (%)	19,67	14,80	16,81
ROA (%)	3,18	2,33	2,64
EPS (VNĐ)	2.863	2.552	3.207
P/E (lần)	4,5	6,2	7,61
P/B (lần)	0,81	0,86	1,20

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	59,10	BUY
MACD (12,26)	0,19	BUY
ADX (14)	30,38	BUY
SMA5	24.360	BUY
SMA20	24.120	BUY
SMA50	23.710	BUY
SMA100	23.420	BUY
SMA200	23.230	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			1,54%
2	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			0,71%
3	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			0,30%
4	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			0,94%
5	PVD	Mua	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4			1,72%
6	VPB	Mua	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9			1,32%
7	TCB	Nắm giữ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7			2,52%
7	SZC	Nắm giữ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40			-0,71%
8	SSI	Mua	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8			2,52%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
6	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
7	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
8	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
9	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
10	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
11	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
12	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
13	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
14	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
15	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 10/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(90%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(90%)	21-22	-18-37%
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	(Có thể DCA vì 61-62)	
Chốt lời 1:(90%)	72-75	-13%-14%
Chốt lời 2:(90%)	Nằm gọn	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.1	-(-4%)
Chốt lời 1:(90%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(90%)	25.5-26	-13%-24%

by Thanh Đình @ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng OK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕒 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room